

MẸ CỦA VUA LÊ LONG ĐỈNH LÀ NGƯỜI CHIÊM THÀNH?

VÕ HÙNG*

Sau khi vua Lê Đại Hành mất, người con thứ 3 của vua Lê Đại Hành là Lê Long Việt lên ngôi được 3 ngày thì bị người em cùng mẹ là Lê Long Đĩnh, người con thứ 5 của vua Lê Đại Hành, sai người ban đêm trèo tường vào cung giết, thọ 23 tuổi (983 -1005), tên thụy là Trung Tông Hoàng đế. Lê Long Đĩnh làm vua được 4 năm thì mất, thọ 24 tuổi (986 - 1009).

Bộ chính sử *Đại Việt sử ký toàn thư*, in năm 2000 và in năm 2017, đều ghi mẹ của vua Lê Trung Tông và Lê Long Đĩnh là “Chi hậu Diệu Nữ”. Trong chú thích bản in năm 2000 có một đoạn ghi về người mẹ của hai vị vua này: “*Đại Việt sử lược* (q.1,21a) chép là mẹ của Long Việt là “hầu Di nữ” (con gái người hầu gái người Chiêm Thành?)” (1). Tuy nhiên, trong chú thích của bản in năm 2017 lại ghi: “*Đại Việt sử lược* (q.1,21a) chép là mẹ của Long Việt là “hầu di nữ” (con gái người hầu gái người Chiêm Thành)” (2). Lần này, chữ *Di* chuyển thành *di* và không còn dấu hỏi trong ngoặc đơn nữa.

Không chỉ *Đại Việt sử ký toàn thư*, các sử liệu khác ghi chép về người mẹ của hai vị vua này cũng mơ hồ và thiếu thống nhất.

Khâm định Việt sử thông giám cương mục của Quốc Sử Quán nhà Nguyễn, trong lời chua về mẹ Lê Trung Tông ghi: “Thái hậu: con gái quan Chi hậu tên là Diệu,

không rõ họ gì” (3). Chi hậu (祗候) là chức quan lớn trong triều, hầu bên vua giữ việc truyền lệnh và dẫn người ra vào trong triều (4), như Chi hậu Đỗ Thích là người giết vua Đinh Tiên Hoàng, Chi hậu Đào Cam Mộc thời tiền Lê và thời Lý.

Đại Việt sử ký toàn thư ghi về Trung Tông Hoàng đế: “Húy là Long Việt, con thứ ba của Lê Đại Hành, mẹ là Chi Hậu diệu nữ. Lên ngôi được ba ngày bị em cùng mẹ là Long Đĩnh giết, thọ 23 tuổi” (5). Diệu không còn là tên riêng.

Cuốn *Đại Việt sử ký tiền biên*, tác giả Ngô Thì Sĩ, ghi “Lê Long Đĩnh truy tôn mẹ đẻ là Chi Hậu diệu nữ làm Hưng Quốc Quảng Thánh Hoàng Thái Hậu” (6).

Tuy nhiên, *theo Đại Nam dật sử và sử ta so với sử Tàu* của Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố thì sau khi Lê Long Đĩnh cướp ngôi “truy tôn mẹ (không rõ họ gì), là con gái chức tri hậu điện, làm Hưng Quốc Quảng Thánh hoàng thái hậu” (7). Chưa rõ về chức quan Tri hậu điện, nhưng vào thời Tống, Tri hậu quan (知后官) là những người giữ việc tiến tấu, chức việc như là các Tiến tấu quan ở các châu. Năm 981, bỏ chức quan này, chọn những người hợp cách làm Tiến tấu quan lệ thuộc vào Tiến tấu viện” (8). Phải chăng Tri hậu quan là chức quan làm trong Tri hậu điện? Đáng

*Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

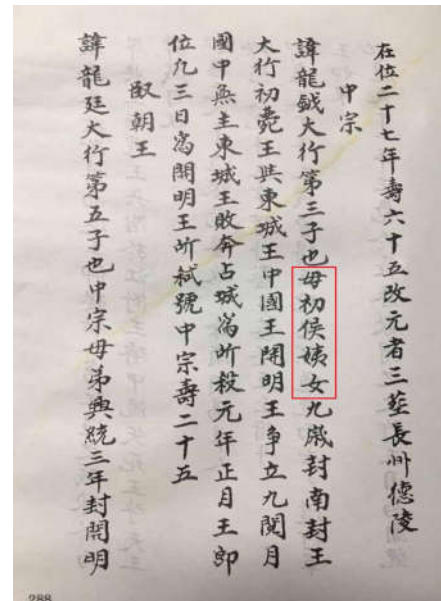
lưu ý, tự dạng chữ Hán Tri hậu trong Tri hậu quan không trùng với chức quan Chi hậu trong các sử liệu **nêu** trên.

Cuốn *Việt sử lược*, còn có tên khác là *Đại Việt sử lược*, chưa xác định tác giả, được xem là cuốn sử xưa nhất **do người Việt Nam viết** còn lưu lại cho đến nay, có ghi chép về người mẹ của hai vị vua Lê Trung Tông và Lê Long Đĩnh.

Theo giáo sư Trần Quốc Vượng cuốn *Việt sử lược* biên soạn vào cuối đời Trần, khoảng sau năm 1377, là sách lược lại *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu, do đó nhiều chỗ chép rất giống nhau (9). *Đại Việt sử lược* thất truyền ở nước ta, đến đời Càn Long (1736-1795), nhà Thanh, mới in ra và lấy nhan **đề** *Việt sử lược*, bỏ chữ đại, chữ để đổi thành chữ vương, vì cho rằng tiếm hiệu. Như vậy, ghi chép về người mẹ của vua Lê Trung Tông và vua Lê Long Đĩnh trong *Việt sử lược* là sử liệu khả tín xưa nhất còn lại cho đến nay.

Hiện nay, có 2 bản dịch về sử liệu này, bản dịch của giáo sư Trần Quốc Vượng nhan đề sách là *Việt sử lược*, bản dịch của dịch giả Nguyễn Gia Tường nhan đề *Đại Việt sử lược*. Về quan hệ thân tộc của vua Lê Trung Tông và vua Lê Long Đĩnh cả 2 bản đều ghi: “Tên húy là Long Đĩnh, là con thứ năm của vua Đại Hành và là em trai cùng mẹ của vua Trung Tông” (10). Tuy nhiên, 2 bản dịch về người mẹ này không giống nhau. Theo bản dịch của Giáo sư Trần Quốc Vượng: “Húy là Long Việt, con thứ ba của Đại Hành. Mẹ là con gái cô hầu khách (hầu di nữ) (11). Cả mẹ và con gái đều là vợ của vua Lê Đại Hành? Bản dịch của Nguyễn Gia Tường: “Tên húy là Long Việt là con thứ ba của vua Đại Hành. Thân mẫu của Trung Tông trước kia là cô gái làm công giúp việc cho người” (12). Như

Ảnh 1: “Mẫu sơ hầu di nữ”



Nguồn: Việt Sử Lược, Viên Nghiên cứu Hán Nôm, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, Thuận Hóa - Trung Tâm Nghiên cứu Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây, 2005, tr. 288.

vậy, cả hai bản đều không dịch mẹ của vua Lê Trung Tông là người Chiêm Thành.

So sánh tự dạng chữ Hán trong *Việt sử lược* chép về người mẹ của vua Lê Trung Tông: 母初侯姨女 (mẫu sơ hầu di nữ) (13), và tự dạng chữ Hán trong *Đại Việt sử ký toàn thư*: 母祇候妙女 (mẫu Chi hậu Diệu nữ) (14) rất đáng lưu ý. Chữ *di* (姨) nghĩa là vợ lẽ/vợ bé, dì - chị em của mẹ, chị em của vợ (trong văn cảnh này là vợ bé / vợ lẽ hoặc chị hay em của vợ vua Lê Đại Hành), không phải *di* (夷) để chỉ các dân tộc phía đông Trung Hoa một cách miệt thị, cũng không phải danh từ riêng chỉ dân tộc Di (彝, 彝). So với chữ *Diệu* / *diệu* (妙) (15) cùng bộ nữ nhưng khác nét. Chữ *hầu* (侯) (16) trong hầu di nữ và chữ *hậu* (候) trong quan Chi hậu đều đồng âm nhưng chỉ khác nhau có một nét nhỏ.

Bản dịch “Thân mẫu của Trung Tông trước kia là cô gái làm công giúp việc cho người” có thể là ẩn ý về một cung nữ, phi tần

hoặc thế thiếp không chính thức để hạ thấp địa vị và khóa lấp nguồn gốc của người mẹ.

Phải chăng các vị sử quan thời hậu Lê, trong quá trình tu soạn - sửa chữa và viết nối tiếp, bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* như hiện nay, ảnh hưởng mạnh hệ tư tưởng Nho giáo, bảo vệ phong hóa, nâng cao hình ảnh của một vương triều, đã cố ý làm mờ nhạt nguồn gốc của người vợ của một vị vua lừng lẫy? Ngô Sĩ Liên, vị sử quan đầu tiên sau Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên tu soạn bộ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bàn về việc vua Lê Đại Hành lập Dương thị (tục gọi Dương Vân Nga), vợ vua Đinh Tiên Hoàng, làm hoàng hậu đã chép: “Đạo vợ chồng là đầu của nhân luân, dây mối của vương hóa... lấy đàn bà tất phải chính đáng” (17); khi được vua Lê Thánh Tông giao trọng trách tu soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* vào năm 1479, ông viết: “Sai lầm thì sửa chữa, thiếu sót thì bù thêm. Phụ lời bàn nông hạp để phát minh. Cho những lẽ quan hệ đến phong hóa” (18). Mạc Bảo Thần Nhượng Tống, người dịch cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư*, ngoại kỷ, nhận xét những hạn chế lịch sử của các sử quan ảnh hưởng Khổng Nho thời ấy: “Các nhà viết sử xưa đây những chủ quan. Cái đó gây ra tự kinh Xuân Thu của thầy Khổng. Thầy đã muốn “ngụ ý khen chê, phân biệt hay dở”... Các tin đồ của thầy về sau, các nhà chép sử theo lối biên niên đều là theo một sáo ấy cả” (19).

Những sử liệu trên ghi chép không thống nhất và mơ hồ về một người vợ của vua Lê Đại Hành, mẹ của vua Lê Trung Tông và vua Lê Long Đinh, đã phần nào cho biết thân phận của người phụ nữ này. Tuy nhiên, suy xét kỹ các sử liệu liên quan sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm nguồn gốc của bà.

Lê Đại Hành có 12 người con trai đều được phong tước vương, từ người con thứ 4 trở xuống đều đi trấn giữ các nơi xung yếu (20). Có 4 vị vương liên quan đến việc tranh

ngôi sau khi nhà vua mất vào năm 1005: Năm 989, phong con thứ 2 Lê Ngân/Long Tích là Đông Thành vương, con thứ 3 Lê Long Việt là Nam Phong vương, cả hai cùng ở Hoa Lư với người con thứ nhất Lê Long Thâu (mất năm 1000); vào năm 992, phong người con thứ 5 Lê Long Đinh là Khai Minh vương trấn ở Đằng Châu (nay thuộc tỉnh Hưng Yên), và năm 993, phong người con thứ 9 Lê Long Kính là Trung Quốc vương trấn ở Càn Đà huyện Mạc Liên (nay là huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên).

Lê Long Tích mất năm 1005, không rõ năm sinh. Lê Long Việt sinh năm 983 và Lê Long Đinh sinh năm 986. Vua Lê Đại Hành từng có dự kiến lập Lê Long Đinh làm thái tử để nối ngôi nhưng đình thần can ngăn nên thôi, trước khi mất 1 năm đã lập Lê Long Việt làm hoàng thái tử. Đây có lẽ là nguồn gốc dẫn đến việc Lê Long Đinh giết anh đoạt ngôi sau khi vua cha qua đời.

Hai năm sau khi lên ngôi, vào năm 982, Lê Đại Hành phong lập 5 hoàng hậu: Dương thị làm Đại Thắng Minh hoàng hậu, Phụng Càn Chi Lý hoàng hậu, Thuận Thành Minh Đạo hoàng hậu, Trịnh Quốc hoàng hậu và Phạm hoàng hậu (21). Vì sao hai người con thứ 3 Lê Long Việt và thứ 5 Lê Long Đinh đã phong tước vương và dự kiến nối ngôi nhưng mẹ của họ lại không được vua Lê Đại Hành phong hoàng hậu? Phải chăng do không “chính đáng”, vì “dây mối vương hóa”? Ngay sau khi lên ngôi Lê Long Đinh liền truy tôn mẹ là Hưng Quốc Quảng Thánh hoàng thái hậu có thể là nhằm giải tỏa ẩn khuất và đưa vị thế của mẹ mình ngang với 5 vị hàng hậu được phong vào năm 982 (22).

Lê Long Việt sinh năm 983, Lê Long Đinh sinh năm 986, đều sau sự kiện vua Lê Đại Hành thân chinh đánh Chiêm Thành “Bất sống được quân sĩ của chúng nhiều vô kể, cùng kỹ nữ trong cung trăm người...” (23). Cả trăm kỹ nữ ấy hẳn là để hậu hạ,

phục vụ trong cung điện vua. Đời Lý, 2 năm sau khi đánh Chiêm Thành, năm 1046, các cung nữ Chiêm Thành bị bắt đưa về Bắc được vua Lý Thái Tông cho xây cung riêng để **tiêu khiển ở**, gọi là cung Ngân Hán (24). Vì vậy, có cơ sở khả tín rằng mẹ đẻ của vua Lê Long Việt và vua Lê Long Đĩnh là một kỹ nữ Chiêm Thành đã hầu trong cung vua Lê Đại Hành.

Bộ chính sử *Đại Việt sử ký toàn thư* và các sử liệu khác ghi mẹ của 2 vị vua Lê Trung Tông và Lê Long Đĩnh là “Chi hậu Diệu/điệu nữ”, không rõ họ gì, càng thêm dấu hiệu tin rằng đây là một kỹ nữ Chiêm Thành (người **Chăm** không có họ như văn hóa phụng hệ).

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.342.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Văn học, 2017, tr. 142. Bản dịch của giáo sư Trần Quốc Vương là *Việt sử lược*, không phải *Đại Việt sử lược* như trong 2 chú thích nêu trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(3). Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1998, tr. 99.

(4), (8). Viện Sử học, Đỗ Văn Ninh, *Từ điển quan chức Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2002, tr. 130, 750.

(5). Sử Quán Tu Soạn Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư* (in lần thứ 3, có sửa chữa), Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng, Hồng Bàng và Trung Tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây, 2012, tr. 150.

(6). *Đại Việt sử ký tiền biên*, Dương Thị The tổ chức công trình, Lê Văn Bấy, Nguyễn Thị Thảo, Dương Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và chú thích, Lê Huy Chương hiệu đính, Hồng Bàng và Trung Tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây, 2012, tr. 218.

(7). Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, *Đại Nam dật sử và sử ta so với sử tàu*, Hội Nhà văn - Nhã Nam, 2019, tr. 238.

Sau khi vua cha mất, tranh ngôi không thành, người con thứ 2 Lê Long Tích chạy sang Chiêm Thành nhưng bị giết tại vùng giáp biên Thạch Hà (nay là Hà Tĩnh). Vì sao ông tìm sang Chiêm Thành tìm chỗ dựa? Phải chăng ông cũng là con của một kỹ nữ Chiêm Thành?

Lịch sử thường có những ẩn khuất chi phối bởi hệ tư tưởng, chính trị, văn hóa. Từ khoảng lùi hơn 10 thế kỷ, thoát khỏi sự chi phối ấy, tìm hiểu thân thế về người mẹ của 2 vị vua thời tiền Lê nhằm góp phần tiếp cận sự thật và cũng để biết rằng dân tộc Chăm từ rất sớm đã có quan hệ hôn nhân với cư dân Đại Việt.

(9), (11), (13). Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Trần Quốc Vương phiên dịch và chú giải, *Việt sử lược*, Nxb. Thuận Hóa - Trung Tâm Nghiên cứu Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây, 2005, tr. 6-8, 64, 288.

(10). *Đại Việt sử lược, thế kỷ XIV (1377-1388)*, Nguyễn Gia Tường dịch, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr.32; *Việt Sử Lược*, sdd, tr.65.

(12). *Đại Việt Sử Lược*, sdd, tr. 32.

(14). *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Văn học, 2017, phần chữ Hán, tr. 73, tờ 25 a-b.

(15). Nghĩa: Đẹp, tuyệt, kỳ diệu, hay.

(16). Nghĩa: Tước hầu, các xứ chư hầu như “áp hầu” (邑侯).

(17), (21), (23), (24). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tr.136, 136, 136, 165.

(18). Ngô Sĩ Liên và các sử thần đời Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư, ngoại kỷ*, Tủ sách Sử học Tân Việt, 1964, tr.20.

(19). *Đại Việt sử ký toàn thư, ngoại kỷ*, sdd, tr. 28.

(20). Viện Sử học, *Lịch Sử Việt Nam*, tập 2, từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, Nxb. Khoa học xã hội, 2013, tr. 11. Người con thứ 13 là Lê Thi Phát Ngân, sau này là vợ của vị vua đầu tiên triều Lý - Lý Thái Tổ, phong Lập Giáo hoàng hậu.

(22). Không có sử liệu nào ghi chép về năm mất của mẹ vua Lê Long Đĩnh.